

Số: 159/2025/QĐST-VHNGĐ

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: **Bà Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Trang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 150/2025/TLST-VHNGĐ ngày 05/05/2025, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”. Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình số 70/QĐST-VHNGĐ ngày 23/05/2025 gồm:

Những người yêu cầu sau đây:

Anh Lê Văn N, sinh ngày 14/03/1981

Căn cước công dân số 001081014918 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/04/2021; Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Tổ dân phố H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. *Anh N có mặt.*

Chị Chu Thị D, sinh ngày 15/10/1984

Căn cước công dân số 001184016294 do Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 28/07/2016; Nơi thường trú: Tổ dân phố H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: S, Kokkinotrimithia, N, Cộng hòa S. *Chị D xin vắng mặt.*

Chị Chu Thị D ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Hồng G (Căn cước công dân số 036199005990 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 29/09/2022; Địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; Địa chỉ liên hệ: I T, phường Y, quận C, TP Hà Nội) và anh Trần Mạnh C (Căn cước công dân số 026203005428 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/04/2021; Địa chỉ: Thôn P, S, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; Địa chỉ liên hệ: I T, phường Y, quận C, TP Hà Nội) giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. *Chị G có mặt, anh C vắng mặt.*

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH:

Theo Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và bản tự khai của anh Lê Văn N và chị Chu Thị D cùng trình bày:

Về tình cảm: Anh Lê Văn N và chị Chu Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tình hiểu, đăng ký kết hôn ngày 20/3/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Hà Nội (nay là phường T, quận B, thành phố Hà Nội) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển số 01/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống cùng nhau hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc chỉ kéo dài trong thời gian đầu, về sau anh chị dần nhận thấy sự bất đồng quan điểm sống giữa hai vợ chồng và mâu thuẫn phát sinh từ đó. Vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung.

Năm 2020, chị D xuất cảnh sang Cộng hòa Síp để sinh sống và làm việc, anh Lê Văn N vẫn sinh sống tại Việt Nam. Từ đó, chị D và anh N chỉ giữ liên lạc với nhau qua điện thoại, không có điều kiện để gần gũi, chia sẻ, vun đắp mái ấm gia đình với nhau. Ngoài ra, do mỗi người ở một nơi, vợ chồng sống ly thân một thời gian dài nên không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không còn sự thấu hiểu, đồng cảm với nhau. Điều đó đã khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Mặc dù anh chị đã nhiều lần nói chuyện để tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng và được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Hiện nay anh chị nhận thấy hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân trên thực tế không đạt được, cuộc sống hôn nhân chỉ tồn tại về mặt pháp lý nên anh chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Lê Văn N và chị Chu Thị D có 03 con chung là cháu Lê Thị Hoài B, sinh ngày 27/02/2003, cháu Lê Thị D1, sinh ngày 03/10/2004 và cháu Lê Văn K, sinh ngày 17/11/2007. Cháu Lê Thị Hoài B và cháu Lê Thị D1 đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Lê Văn K đang sinh sống cùng anh Lê Văn N tại Tổ dân phố H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Để đảm bảo cuộc sống ổn định và môi trường học tập cho cháu K, vợ chồng anh chị đã thỏa thuận và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giao cháu Lê Văn K cho anh Lê Văn N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N1 và chị D tự thỏa thuận với nhau về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nhà ở và công nợ chung: Anh Lê Văn N và chị Chu Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện không thể về Việt Nam giải quyết được nên chị Chu Thị D đã có Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai và xin giải quyết vắng mặt, ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Hồng G và anh Trần Mạnh C giao nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên họp: Anh Lê Văn N có mặt và giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Anh đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị là giao cháu Lê Văn K cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh chị tự thỏa thuận vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nhà ở và công nợ chung. Anh N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết ly hôn.

Chị Chu Thị D có đơn xin giải quyết vắng mặt. Chị Nguyễn Thị Hồng G đồng ý nhận sự ủy quyền của chị D là giao nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Chị G cam kết thông báo và gửi để chị D được biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng, việc Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự. Giao cháu Lê Văn K, sinh ngày 17/11/2007 cho anh Lê Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N và chị D tự thỏa thuận vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Cháu Lê Thị Hoài B và cháu Lê Thị D1 đã trưởng thành nên đề nghị Tòa án không xem xét. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí: Anh N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn N và chị Chu Thị D đề nghị công nhận thuận tình ly hôn. Chị Chu Thị D hiện đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Síp nên theo quy định tại Điều 29 và Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh Lê Văn N và chị Chu Thị D do cả hai cùng tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Hà Nội (nay là phường T, quận B, Hà Nội) vào ngày 20/3/2002 (Giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển số 01/2002). Cuộc sống chung vợ chồng sau hôn nhân đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện cả hai vợ chồng cùng xác định không còn tình cảm với nhau nữa nên cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,

cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của vợ chồng anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về con chung: Anh Lê Văn N và chị Chu Thị D có 03 con chung là cháu Lê Thị Hoài B, sinh ngày 27/02/2003, cháu Lê Thị D1, sinh ngày 03/10/2004 và cháu Lê Văn K, sinh ngày 17/11/2007. Cháu B và cháu D1 đã trưởng thành, anh N và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Hiện nay, cháu K đang ở cùng anh N. Ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu K cho anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Anh Lê Văn N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 29; Điểm b khoản 1 Điều 37; Khoản 2 Điều 67; Điều 143, 146, 149, 367, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn N và chị Chu Thị D.

2. Về con chung: Anh Lê Văn N và chị Chu Thị D có 03 con chung là cháu Lê Thị Hoài B, sinh ngày 27/02/2003, cháu Lê Thị D1, sinh ngày 03/10/2004 và cháu Lê Văn K, sinh ngày 17/11/2007. Cháu B và cháu D1 đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao cháu Lê Văn K cho anh Lê Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Chị D có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Anh Lê Văn N và chị Chu Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về lệ phí: Anh Lê Văn N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0079521 ngày 05/05/2025 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Ghi nhận anh N đã

nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 30/05/2025.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- Ủy ban nhân dân phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thanh Hà